TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DS-ST
Ngày: 16-8-2023
V/V "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Phương.
Ông Đinh Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 35năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn M, sinh năm 1976 là Chủ hộ kinh doanh cá thể A. Tám M. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M1: Luật sư Trần Văn C- Văn phòng Luật sư Trần Văn C- Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn:*
Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955.
Bà Cao Thị T, sinh năm 1953.
Ông Nguyễn Cao Q (tên thường gọi là Đ), sinh năm 1988

- *Người đại diện ủy quyền của ông Đ, bà T:* Ông Nguyễn Cao Q, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người đại diện ủy quyền của ông* M, *bà* N: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, Khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2/ Ông Trương Thành Đ (tên thường gọi là B), sinh năm 1978. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 02 tháng 9 năm 2021, đại lý thức ăn chăn nuôi của ông Trương Văn M có bán cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Cao Thị T, ông Nguyễn Cao Q, ông Trương Thành Đ và ông Đ có vay của ông M 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán trong thời hạn khoảng 03 tháng trả tiền, mỗi bên có sổ theo dõi nợ mua bán. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 14/11/2022 thì ông Đ, bà T, ông Q, ông Đ có trả tiền cho ông M nhiều lần tiền vốn mua bán và số tiền còn nợ lại là 712.690.000 đồng và số tiền ông Đ vay của ông M là 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm, ông Đ2 và ông M thỏa thuận bán 01 đợt tôm thì ông Đ trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm cho ông M thì ông M sẽ tiếp tục cho ông Đ vay tiếp số tiền trên và sẽ nhận thêm tiền chiết khấu nhưng ông Đ không thực hiện đúng như thỏa thuận. Ông M đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ, ông Q, ông Đ và bà T vẫn không trả số tiền nợ cho ông M.

Nay ông M yêu cầu ông Đ, bà T, ông Q, ông Đ phải liên đới trả cho ông M là 712.690.000 đồng tiền vốn mua bán và ông Đ phải trả là 150.000.000 đồng vốn vay cho ông M, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà bà H là người đại diện theo uỷ quyền của ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Đ, bà T, bà T1. Ông M chỉ yêu cầu ông Q, ông Đ phải liên đới trả cho ông M là 712.690.000 đồng tiền vốn mua bán và ông Đ phải trả là 150.000.000 đồng tiền vốn vay cho ông M, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M, *luật sư* C *phát biểu quan điểm:* Vào ngày 02 tháng 9 năm 2021, đại lý thức ăn chăn nuôi của ông Trương Văn M có bán cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Cao Thị T, ông Nguyễn Cao Q, ông *Trương Thành Đ* và ông Đ có vay của ông M 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm. Qua nhiều đợt mua bán các bên còn nợ ông M tiền vốn mua bán là 712.690.000 đồng và số tiền ông Đ vay của ông M là 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm. Qua nội dung 04 đoạn ghi âm thể hiện việc ông Q, ông Đ có thoả thuận cùng nuôi tôm với nhau và ông Đ có vay tiền của ông M để mướn ao nuôi tôm. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông Q, ông Đ phải liên đới trả cho ông M 712.690.000 đồng vốn mua bán bán và ông Đ phải trả cho ông M 150.000.000 đồng tiền vốn vay.

Ông Nguyễn Cao Q là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông M trình bày là đúng. Nay ông đồng ý cùng

ông Đ, bà T liên đới trả cho ông M 712.690.000 đồng, yêu cầu ông Đ trả cho ông M 150.000.000 đồng vì ông Đ chỉ hùn với ông nuôi tôm được 02 đợt đến tháng 02/2022 thì nghỉ không nuôi nữa. Số tiến 150.000.000 đồng là ông Đ điện thoại cho ông M để nói ông M cho ông và ông Đ vay 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm. Ông xin ông M cho ông, ông Đ, bà T trả dần số tiền trên với số tiền là 40.000.000 đồng/ năm cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả số nợ này là từ tháng 10 năm 2023.

Tại phiên toà ông Q xác định giọng nói trong 04 đoạn ghi âm là của ông Đ và bà N nói chuyện với nhau.

Ông Trương Thành Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Qua lời trình bày của bà H thì ông không đồng ý, ông chỉ hùn với ông Q nuôi 02 đợt tôm thì nghĩ không nuôi nữa, ông không có vay của ông M 150.000.000 đồng, ông chỉ điện thoại cho ông M để giới thiệu ông Q đến vay của ông M số tiền 150.000.000 đồng để mướn ao nuôi tôm nên ông không đồng ý trả tiền cho ông M như bà H yêu cầu, ông chỉ đồng ý trả cho ông Q 150.000.000 đồng vì ông chỉ biết ông Q, ông không có mua bán và làm ăn với ông M, ông không đồng ý liên đới cùng với ông Đ, bà T, ông Q trả cho ông M 712.690.000 đồng vốn mua bán và 150.000.000 đồng tiền vốn vay.

Tại phiên toà ông Đ xác định giọng nói đoạn ghi âm số 03, 04 là của ông Đ và đoạn ghi âm số 01, 02 không phải là giọng nói của ông Đ nhưng ông Đ không yêu cầu giám định giọng nói đoạn ghi âm số 01, 02.

Ông chỉ đồng ý trả cho ông Q 150.000.000 đồng vì ông chỉ biết ông Q, ông không có mua bán và làm ăn với ông M, ông không đồng ý liên đới cùng với ông Đ, bà T, ông Q trả cho ông M 712.690.000 đồng vốn mua bán và 150.000.000 đồng tiền vốn vay.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.600.000 đồng, ông M đã nộp xong, ông M đồng ý chịu chi phí này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông M khởi kiện yêu cầu ông Đ, ông Q, bà T, ông Đ2 phải liên đới trả cho ông M số tiền vốn mua bán là 712.690.000 đồng. Ông M khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho ông M số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng.

Xét ông Q có xác nhận nợ với ông M với số tiền vốn mua bán như trên. Tại phiên tòa bà H là đại diện theo ủy quyền của ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu đối với ông Q, ông Đ phải liên đới trả nợ cho ông M tổng cộng

vốn mua bán là 712.690.000 đồng. Ông M khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho ông M số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng.

Qua nội dung 04 đoạn băng ghi âm, xác định ông Q, ông Đ có nuôi tôm cùng với nhau và ông Đ vay tiền của ông M là 150.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M đối với ông Q, ông Đ trả cho ông M số tiền vốn mua bán như trên là có căn cứ và ông Đ phải trả cho ông M 150.000.000 đồng tiền vốn vay.

Đối với bà T do ông M có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng ông M đã rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không cần thiết đưa bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trương Văn M khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, bà Cao Thị T, ông Nguyễn Cao Q, ông Trương Thành Đ2 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; Ông Trương Văn M khởi kiện ông Trương Thành Đ về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Đối với bà T do ông M có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng ông M đã rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không cần thiết đưa bà Trần Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông M yêu cầu ông Đ2, ông Q phải liên đới trả cho ông M tổng cộng vốn mua bán là 712.690.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông M yêu cầu ông Đ phải trả cho ông M tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông M yêu cầu đối với ông Q, ông Đ phải liên đới trả cho ông M tổng cộng vốn mua bán là 712.690.000 đồng. Ông M đã bán thức ăn chăn nuôi cho ông Q, ông Đ tổng cộng vốn mua bán là 712.690.000 đồng. Ông Q thừa nhận có nợ ông M số tiền trên, ông Đ không thừa nhận. Xét thấy tại 04 đoạn ghi âm thì ông Q xác định giọng nói của ông Đ tức là (ông B), ông Đ thừa nhận đoạn ghi âm số 03, số D là giọng nói của mình, đối với đoạn ghi âm số 01, 02 thì ông Đ không thừa nhận nhưng ông không có yêu cầu giám định.

Tại bút lục số 89 "…*Bà N: Chị tám nè. Hồi đó anh T (ông M) bán em với anh Đ (ông Q) thì giờ á em với anh Đ đứng ra mua chứ rồi hôm qua anh Đ nói với anh T không chịu á nha Bé (ông Đ); Ông Đ: Rồi rồi cái gì cũng phải hai thằng, có gì trong hai thằng phải ra chịu; ông Đ: Thì đợt này cứ sửa các đầm, sửa đồ, sửa tiền máy, tiền đất kẹt chị điện thoại em em hổng dám nghe em kêu*

nó ra mà...”. Như vậy các bên đã thiết lập hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm trong một thời gian dài (đoạn ghi âm số 04 vào ngày 30/5/2023).

Xét yêu cầu của ông M về tiền vốn mua bán là 712.690.000 đồng cũng phù hợp với nội dung 04 đoạn ghi âm mà bà H đã công bố tại phiên tòa về số tiền vốn mua bán thức ăn tôm mà các bên đã được nghe. Nên có cơ sở xác định ông Q, ông Đ có hùn làm ăn chung với nhau và có mua thức ăn nuôi tôm của ông M. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M buộc ông Đ, ông Q phải liên đới trả cho ông M tiền vốn mua bán là 712.690.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền vốn vay, tại biên bản hòa giải 07/7/2023 và tại phiên toà thì ông Q xác định ông Đ có điện thoại cho ông M để vay ông M 150.000.000 đồng và bút lục 88 *“...bà N: Là như em muốn mượn là bao nhiêu; ông Đ: Cở trăm rưỡi á; bà N: Cở trăm rưỡi hả...” đoạn ghi âm số 04 bút lục 91“... Được: Chẳng hạn như bây giờ em nói gọn như bây giờ em mượn chị nhiêu đó phải hôn;...Được: Thì tiền cũ thì em mượn chị là em chồng tiền đất người ta mà chứ đâu phải là còn hết vụ là 100 triệu chị bớt nhiêu chị nói thẳng nói đại vậy hà.;.. là 100 triệu trả chị bớt 8 triệu phải hôn...”* Nên có cơ sở xác định ông Đ có vay của ông M 150.000.000 đồng để sửa các đầm nuôi tôm nên ông Đ phải trả cho ông M 150.000.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông M trình bày: Ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ, bà T, bà T không yêu cầu ông Đ, bà T, bà T liên đới cùng với ông Q, ông Đ trả số tiền vốn mua bán 712.690.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này thì ông M không được quyền khởi kiện lại vụ án đối với ông Đ, bà T, bà T.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ, ông Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (hợp đồng mua bán tài sản).

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (hợp đồng vay tài sản).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M- Chủ hộ kinh doanh cá thể A. Tám M về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với ông Nguyễn Cao Q, ông Trương Thành Đ.

Buộc ông Nguyễn Cao Q, ông Trương Thành Đ phải liên đới trả cho ông M1 là 712.690.000 đồng (bảy trăm mười hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền vốn mua bán.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M- Chủ hộ kinh doanh cá thể Tám Mãi về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Trương Thành Đ2.

Buộc ông Trương Thành Đ phải trả cho ông M là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền vốn vay.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), ông M chịu chi phí này (ông M đã nộp xong).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông M được nhận lại 20.680.000 (hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006901 ngày 29 tháng 5 năm 2023 và biên lai thu số 0006907 ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Trương Thành Đ, ông Nguyễn Cao Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 32.507.600 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm lẽ bảy nghìn sáu trăm đồng).

Ông Trương Thành Đ phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí